

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20/5/2021.

V/v: Ly hôn, yêu cầu nuôi con
và chia nợ chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thật.

2. Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 319/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Kim T, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt);

HKTT:ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Ngô Kim H1, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt)

Ông Ngô Long Q, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bà Ngô Thị Thu H2, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố Ph, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2020, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Ngô Kim T như sau: Bà chung sống với ông Trần Văn L vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện nhưng không tổ chức đám cưới và không đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hợp nhau, ông L thường say rượu đe dọa bà. Ông bà đã ly thân từ năm 2019. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Trần Văn L.

Vợ chồng ông bà có 01 đứa con chung tên Ngô Chí P – sinh năm 16/3/2015. Hiện cháu đang sống với bà T.

Ông bà xác định không có tài sản chung.

Ông bà có nợ bà Ngô Kim H1 số tiền 10.000.000 đồng; ông Ngô Long Q số tiền 4.000.000 đồng và bà Ngô Thị Thu H2 số tiền 1.000.000 đồng và 01 (một) chỉ vàng 24Kr.

Nguyên vọng: Về hôn nhân bà T xin ly hôn với ông Trần Văn L.

Về con chung: Bà T xin được nuôi cháu Ngô Chí P – sinh năm 16/3/2015, không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu chia đôi số nợ, quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay bà xin rút yêu cầu về nợ chung. Bà và bà Kim Hồng, bà Thu Hồng, ông Q tự thỏa thuận riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn L có ý kiến tại biên bản lấy lời khai như sau: Hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Tuy nhiên theo ông vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn.

Về quan hệ hôn nhân: Ông L đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông đồng ý giao cháu Ngô Chí P – sinh năm 16/3/2015 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc. Ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xin tự thỏa thuận trả dần với bà Kim Hồng, bà Thu Hồng, ông Q. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Kim H1 trình bày tại biên bản lấy lời khai như sau: Vào năm 2016 bà Ngô Kim H1 có cho bà Ngô Kim T và ông Trần Văn L mượn số tiền 10.000.000 đồng để đi sinh con, vì Tuyền là em ruột bà Hồng nên không có tính lãi.

Nay, vợ chồng bà T ly hôn thì bà H1 không có ý kiến yêu cầu gì về số nợ này, bà và bà T, ông L sẽ tự thỏa thuận trả dần số nợ. Bà H1 không có yêu cầu độc lập và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Thu H2 trình bày tại biên bản lấy lời khai như sau: Vào năm 2016 bà Ngô Thị Thu H2 có cho bà Ngô Kim T và

ông Trần Văn L mượn số tiền 1.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24K_r, vì là bà con với nhau nên bà Hồng không có tính lãi. Từ ngày mượn đến nay bà T, ông L chưa trả tiền và vàng cho bà.

Nay, vợ chồng bà T ly hôn thì bà H2 không có ý kiến yêu cầu gì về số nợ này, bà và bà T, ông L sẽ tự thỏa thuận trả dần số nợ. Bà H2 không có yêu cầu độc lập và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Long Q trình bày tại biên bản lấy lời khai như sau: Vào năm 2019 ông Q có cho bà Ngô Kim T mượn số tiền 4.000.000 đồng, vì là bà con với nhau nên ông không có tính lãi. Từ ngày mượn đến nay ông bà chưa trả tiền cho ông Q.

Nay, vợ chồng bà T ly hôn thì ông Q không có ý kiến yêu cầu gì về số nợ này, ông và bà T, ông L sẽ tự thỏa thuận trả dần số nợ. Ông Q không có yêu cầu độc lập và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có ý kiến: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên hồ sơ đã vi phạm thời hạn xét xử theo quy định. Đối với bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn, người có quyền nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Ngô Kim T và ông Trần Văn L là vợ chồng. Về con chung: Giao cháu Ngô Chí P – sinh năm 16/3/2015 cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Miễn xét. Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu chia nợ chung của bà Ngô Kim T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp của bà Ngô Kim T và ông Trần Văn L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Trần Văn L là bị đơn, ông Ngô Long Q, bà Ngô Kim H1 và bà Ngô Thị Thu H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2]. Về hôn nhân: Bà Ngô Kim T và ông Trần Văn L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Nay, bà T yêu cầu được ly hôn, ông L cũng đồng ý. Do hôn nhân của ông bà không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên không công nhận quan hệ giữa bà Ngô Kim T và ông Trần Văn L là quan hệ vợ chồng.

[3]. Về con chung: Bà Ngô Kim T và ông Trần Văn L xác định có 01 người con chung tên Ngô Chí P – sinh năm 16/3/2015 hiện cháu đang sống chung với bà T. Bà T xin được tiếp tục nuôi con, ông L cũng đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của bà T.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Ông bà xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T và ông L xác định ông bà có các khoản nợ chung như sau: nợ bà Ngô Kim H1 số tiền 10.000.000 đồng; ông Ngô Long Q số tiền 4.000.000 đồng và bà Ngô Thị Thu H2 số tiền 1.000.000 đồng và 01 (một) chỉ vàng 24K_r. Phía những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Kim H1, ông Ngô Long Q, bà Ngô Thị Thu H2 đều không yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các bên không thỏa thuận được thì bà Ngô Kim H1, ông Ngô Long Q, bà Ngô Thị Thu H2 được quyền khởi kiện bà T, ông L bằng một vụ kiện khác.

Tại phiên tòa bà T xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số nợ chung này nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về nợ chung của bà T.

[56]. Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Ngô Kim T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây 800.000 đ (tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005270, ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Bà T được nhận lại số tiền 500.000 đ (năm trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 53, Điều 81, 82, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Kim T.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Ngô Kim T và ông Trần Văn L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Chí P – sinh năm 16/3/2015 cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông L thực hiện quyền này.

Ông bà có quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Miễn xét.

4. Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu chia nợ chung của bà Ngô Kim T.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Kim H1, ông Ngô Long Q, bà Ngô Thị Thu H2 đều không yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các bên không thỏa thuận được thì bà Ngô Kim H1, ông Ngô Long Q, bà Ngô Thị Thu H2 được quyền khởi kiện bà T, ông L bằng một vụ kiện khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Ngô Kim T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 800.000 đ (tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005270, ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Bà T được nhận lại số tiền 500.000 đ (năm trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. (20/5/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhân:

-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA Gò Quao;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thành Nghè